**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# THÔNG TƯ

## Quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng

Thông tư số 45/2011/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 29/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng như sau:[1]

---

[1] Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản có căn cứ ban hành như sau:

*"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản."*

## Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cho vay ra nước ngoài là việc tổ chức tín dụng giao hoặc cam kết giao cho khách hàng là người không cư trú (sau đây gọi là bên vay nước ngoài) một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

2. Thỏa thuận cho vay là văn bản thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và bên vay nước ngoài có hiệu lực giải ngân và thu hồi nợ, trong đó quy định các điều khoản và điều kiện của khoản cho vay ra nước ngoài về mục đích sử dụng vốn vay, phương thức cho vay, số vốn cho vay, lãi suất, thời hạn, kỳ hạn trả nợ, nội dung về bảo đảm khoản vay, phương thức trả nợ và những cam kết có liên quan khác.

3. Thỏa thuận thay đổi là văn bản thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và bên vay nước ngoài về nội dung bổ sung, sửa đổi thỏa thuận cho vay đã ký. Thỏa thuận thay đổi có thể dưới hình thức thỏa thuận mới, phụ lục thỏa thuận cho vay đã ký.

4. Đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay là việc tổ chức tín dụng thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước về khoản cho vay ra nước ngoài hoặc các thay đổi đối với khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

5. Xác nhận đăng ký là văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc tổ chức tín dụng đã thực hiện đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

6. Xác nhận đăng ký thay đổi là văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc tổ chức tín dụng đã thực hiện đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài khi thay đổi các nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận tại văn bản xác nhận đăng ký.

7. Tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài là tài khoản ngoại tệ được sử dụng để thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài.

### Điều 3. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

1. Thẩm định năng lực pháp lý, năng lực tài chính của bên vay nước ngoài; khả năng thực hiện thỏa thuận cho vay nhằm đảm bảo thu hồi nợ gốc và lãi theo thỏa thuận cho vay.

2. Tự chịu rủi ro về pháp lý và tài chính trong việc ký kết và thực hiện thỏa thuận cho vay.

3. Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý ngoại hối, cho vay và thu hồi nợ nước ngoài, quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, đảm bảo khoản cho vay ra nước ngoài, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài có liên quan trong việc ký và thực hiện thỏa thuận cho vay.

4. Xây dựng quy trình thẩm định tín dụng, quản trị và phòng ngừa rủi ro tín dụng đối với hoạt động cho vay, thu hồi nợ nước ngoài phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

**Điều 4. Cho vay hợp vốn ra nước ngoài**

1. Khi tham gia cho vay hợp vốn ra nước ngoài, tổ chức tín dụng phải tuân thủ các quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp có 01 (một) tổ chức tín dụng tham gia với các bên cho vay khác là người không cư trú để thực hiện khoản cho vay hợp vốn ra nước ngoài, tổ chức tín dụng thực hiện các quy định về đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay với Ngân hàng Nhà nước, mở và sử dụng tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài, báo cáo theo quy định tại Thông tư này đối với phần tham gia cho vay hợp vốn ra nước ngoài.

3. Trường hợp có từ 02 (hai) tổ chức tín dụng tham gia thực hiện khoản cho vay hợp vốn ra nước ngoài, các tổ chức tín dụng thống nhất ủy quyền cho một tổ chức tín dụng làm đầu mối. Tổ chức tín dụng đầu mối có trách nhiệm đại diện cho các tổ chức tín dụng cho vay hợp vốn thực hiện các quy định về đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay với Ngân hàng Nhà nước, mở và sử dụng tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài, báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 5. Đồng tiền cho vay ra nước ngoài**

1. Việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng thực hiện bằng ngoại tệ.

2. Các trường hợp cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng bằng đồng Việt Nam chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 6. Bảo lãnh khoản cho vay ra nước ngoài**

Trường hợp khoản cho vay ra nước ngoài được bảo lãnh bởi một tổ chức bảo lãnh tại Việt Nam, việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

## Chương II

## QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**Điều 7. Điều kiện cho vay ra nước ngoài**

Tổ chức tín dụng khi thực hiện cho vay ra nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cho phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế bao gồm hoạt động cho vay trên thị trường quốc tế.

2. Tuân thủ quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ tăng trưởng tín dụng, các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

3. Có quy trình xét duyệt cho vay ra nước ngoài theo nguyên tắc đảm bảo tính độc lập và phân định rõ ràng trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cho vay ra nước ngoài.

4. Thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

5. Thực hiện thẩm định dự án cho vay, đánh giá rủi ro quốc gia và khả năng thu hồi vốn gốc, lãi của khoản cho vay ra nước ngoài đầy đủ và đúng hạn.

6. Có phương án huy động và cho vay ngoại tệ đảm bảo nguyên tắc phù hợp về cơ cấu đồng tiền, cơ cấu kỳ hạn giữa huy động và cho vay, tránh rủi ro kỳ hạn và rủi ro thanh khoản có thể phát sinh do thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài.

7. Chỉ thực hiện cho vay ra nước ngoài cho các dự án, phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với phạm vi hoạt động hợp pháp của bên vay nước ngoài.

8. Đảm bảo nội dung của thỏa thuận cho vay và các thỏa thuận liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài không trái với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

**Điều 8. Bên vay nước ngoài**

1. Tổ chức tín dụng chỉ thực hiện cho vay đối với bên vay nước ngoài là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại nước ngoài có vốn góp của doanh nghiệp Việt Nam dưới hình thức đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

2. Các trường hợp khác chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 9. Đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay**

1. Trên cơ sở đáp ứng các điều kiện cho vay ra nước ngoài được quy định tại Thông tư này, tổ chức tín dụng ký thỏa thuận cho vay, thỏa thuận thay đổi với bên vay nước ngoài và các bên khác có liên quan.

2. Tổ chức tín dụng thực hiện việc đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận cho vay hoặc thỏa thuận thay đổi (trường hợp khoản cho vay không được bảo lãnh) hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tổ chức

bảo lãnh ký văn bản bảo lãnh hoặc văn bản đồng ý với nội dung thay đổi thỏa thuận cho vay (trường hợp khoản vay được bảo lãnh).

3. Mọi giao dịch liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài chỉ được thực hiện sau khi tổ chức tín dụng đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi theo quy định tại Thông tư này.

4. Tổ chức tín dụng không phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước các thỏa thuận cho vay không có hiệu lực rút vốn như: Hiệp định tín dụng khung, Biên bản ghi nhớ và các thỏa thuận tương tự khác nhưng nội dung các thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

**Điều 10. Hồ sơ đăng ký khoản cho vay**

Tổ chức tín dụng gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký khoản cho vay đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối). Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Báo cáo tình hình tăng trưởng tín dụng của tổ chức tín dụng, chứng minh việc đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng tại thời điểm cuối tháng gần nhất trong ngày ký thỏa thuận cho vay và đánh giá tác động của khoản cho vay ra nước ngoài đến việc tuân thủ quy định về tỷ lệ tăng trưởng tín dụng và các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

3. Báo cáo thẩm định khoản cho vay ra nước ngoài gồm các nội dung chủ yếu sau: đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh của bên vay nước ngoài; các rủi ro liên quan, khả năng thu hồi vốn gốc, lãi cho vay đầy đủ và đúng hạn; sự phù hợp về trị giá khoản cho vay và quy mô dự án sử dụng vốn vay; vấn đề bảo đảm khoản vay và các nội dung liên quan khác.

4. Báo cáo và cam kết của tổ chức tín dụng về việc đáp ứng các điều kiện cho vay ra nước ngoài quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 7 Thông tư này, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: quy định về quy trình tín dụng đối với hoạt động cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng; hiện trạng về trình độ cán bộ tín dụng, khả năng quản trị, phòng ngừa rủi ro; việc thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng đối với khoản cho vay ra nước ngoài; cam kết tuân thủ các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay ra nước ngoài.

5. Báo cáo về nguồn vốn ngoại tệ cho vay bao gồm nội dung liên quan đến quy mô, cơ cấu đồng tiền và cơ cấu kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và cho vay bằng ngoại tệ tại thời điểm ký thỏa thuận cho vay.

6.[2] Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của bên vay nước ngoài theo quy định của nước sở tại. Bản dịch Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của bên vay nước ngoài theo quy định của nước sở tại từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật.

7.[3] Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

8. Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng) thỏa thuận cho vay đã ký.

9. Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng) các văn bản, thỏa thuận bảo lãnh, bảo đảm khoản cho vay ra nước ngoài.

**Điều 11. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay**

Tổ chức tín dụng gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối). Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng) thỏa thuận thay đổi đã ký. Trường hợp nội dung thay đổi của các bên liên quan đã được thỏa thuận tại thỏa thuận cho vay hoặc được chấp nhận theo quy định của pháp luật mà không phải ký kết chính thức bằng văn bản giữa các bên, tổ chức tín dụng có văn bản giải trình rõ nội dung này trong hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay.

3. Báo cáo chứng minh việc đáp ứng quy định về tỷ lệ tăng trưởng tín dụng và các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng tại thời điểm cuối tháng gần nhất trước ngày ký thỏa thuận thay đổi khoản vay nước ngoài (trường hợp thay đổi tăng kim ngạch hoặc kéo dài thời hạn khoản cho vay ra nước ngoài).

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

4. Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng) văn bản chấp thuận của tổ chức bảo lãnh đối với thỏa thuận thay đổi (trong trường hợp khoản cho vay ra nước ngoài được bảo lãnh).

**Điều 12. Cơ sở xem xét xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi**

Ngân hàng Nhà nước xem xét xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng trên cơ sở:

1. Chính sách quản lý ngoại hối của nhà nước trong từng thời kỳ.

2. Tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay.

3. Việc tổ chức tín dụng tuân thủ và đáp ứng đầy đủ các quy định về cho vay ra nước ngoài tại Thông tư này, quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Ý kiến của các cơ quan có liên quan đối với khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng trong trường hợp cần thiết.

**Điều 13. Thời gian xử lý hồ sơ đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay**

1. Ngân hàng Nhà nước xử lý hồ sơ đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay của tổ chức tín dụng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

2. Trong trường hợp cần thêm thông tin, điều kiện khác để có đủ cơ sở xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức tín dụng.

**Điều 14. Tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài**

1. Mỗi khoản cho vay ra nước ngoài được tổ chức tín dụng thực hiện thông qua 01 (một) tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài mở tại chính tổ chức tín dụng hoặc tại một tổ chức tín dụng khác. Tổ chức tín dụng phải thực hiện mọi giao dịch giải ngân vốn cho vay, thu hồi nợ nước ngoài (nợ gốc, lãi và các loại phí ...) thông qua tài khoản này.

2. Trường hợp mở tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài tại chính tổ chức tín dụng để thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài, tổ chức tín dụng có trách nhiệm hạch toán theo dõi riêng các giao dịch liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài trên tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài; chịu trách nhiệm và đảm bảo thực hiện các giao dịch liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài đúng với nội dung xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trường hợp tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài được mở tại một tổ chức tín dụng khác để thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài, tổ chức tín dụng nơi tài khoản được mở có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu các tài

liệu do bên vay xuất trình để đảm bảo thực hiện đúng các giao dịch của khoản cho vay ra nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.

4. Việc tổ chức tín dụng sử dụng tài khoản ngoại tệ mở tại nước ngoài để cho vay, thu hồi nợ nước ngoài được thực hiện theo quy định hiện hành về mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức tín dụng.

**Điều 15. Chế độ báo cáo**

1. Định kỳ hàng tháng (chậm nhất vào ngày 10 của tháng tiếp theo), hàng năm (chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo), tổ chức tín dụng có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài (theo Phụ lục số 03 và Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Trường hợp đột xuất, tổ chức tín dụng thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

## Chương III

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 16. Phân công nhiệm vụ và cơ chế phối hợp**

1. Vụ Quản lý ngoại hối:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước xử lý những vấn đề chung liên quan đến việc cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật.

b) Tổng hợp ý kiến của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan có liên quan khác (trong trường hợp cần thiết), báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi theo quy định tại Thông tư này.

c) Tổng hợp số liệu định kỳ sáu tháng báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tình hình cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của các tổ chức tín dụng.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Vụ Quản lý ngoại hối về việc tham gia ý kiến đối với khoản cho vay ra nước ngoài, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản gửi Vụ Quản lý ngoại hối về các nội dung liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng. Nội dung văn bản bao gồm: xác nhận phạm vi kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối của tổ chức tín dụng; xác nhận việc tổ chức tín dụng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, các quy định về tỷ lệ sử dụng vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung dài hạn của tổ chức tín dụng tại thời điểm cuối tháng trước ngày ký thỏa thuận cho vay hoặc thỏa thuận thay đổi trong trường hợp thay đổi làm tăng kim ngạch hoặc thời hạn khoản cho vay ra nước ngoài.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của các tổ chức tín dụng; xử lý các vi phạm phát sinh.

3. Các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước, theo chức năng nhiệm vụ và phạm vi quản lý, có trách nhiệm phối hợp, tham gia ý kiến đối với hồ sơ đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay của tổ chức tín dụng trong trường hợp cần thiết.

**Điều 17. Điều khoản thi hành**[4]

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2012.

2. Các khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng đã thực hiện trước khi Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi (nếu có) của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp có thỏa thuận thay đổi sau ngày Thông tư này có hiệu lực, tổ chức tín dụng thực hiện theo các quy định của Thông tư này.

**Điều 18. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

---

[4] Điều 21 của Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016 quy định như sau:

*"**Điều 21. Điều khoản thi hành***

*1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.*

*2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:*

*- Khoản 12 Điều 4 Thông tư số 24/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng theo các nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*- Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Phụ lục số 09.ĐGH kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo Nghị quyết về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

*3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./."*

Phụ lục số 01

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....
V/v đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài

# ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào Thông tư số 45/2011/TT-NHNN ngày 30/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Thỏa thuận cho vay, thu hồi nợ nước ngoài đã ký với [*Tên Bên vay*] ngày ...../..../.....

Căn cứ Thư bảo lãnh (hoặc Hợp đồng bảo lãnh) ngày .../.../..... *(nếu có)*

[*Tên tổ chức tín dụng*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài như sau:

## PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

### I. Thông tin về Bên cho vay (hoặc các Bên cho vay là tổ chức tín dụng trong nước trong trường hợp đồng tài trợ):

1. Tên tổ chức tín dụng là Bên cho vay:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại: Fax:

4. Họ và tên Người đại diện có thẩm quyền:

5. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh...) số ..... do ..... cấp ngày .....

6. Văn bản chứng minh tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối (trong đó có nội dung cho vay ra nước ngoài) theo quy định hiện hành của pháp luật:

### II. Thông tin về Bên vay:

1. Tên Bên vay:

2. Địa chỉ:

3. Giấy phép thành lập (hoạt động) tại nước ngoài:

4. Tổng vốn đầu tư theo Giấy phép thành lập doanh nghiệp:

5. Giấy phép đầu tư ra nước ngoài của cổ đông Việt Nam tại Bên vay là doanh nghiệp nước ngoài

### III. Thông tin về các Bên liên quan

Ghi rõ tên, địa chỉ của từng bên liên quan

**PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ KHOẢN CHO VAY**

1. Tổng trị giá khoản cho vay:

(Trường hợp vay hợp vốn, đề nghị ghi rõ: (i) Tổng giá trị khoản cho vay thỏa thuận cho vay; (ii) Tổng giá trị phần cho vay của các Bên cho vay là các tổ chức tín dụng trong nước; (iii) Danh sách và mức cho vay của từng Bên cho vay là tổ chức tín dụng trong nước.

2. Các văn bản phê duyệt khoản cho vay (nêu rõ các văn bản phê duyệt theo quy định của pháp luật).

3. Các hợp đồng liên quan (hợp đồng tín dụng, đồng tài trợ, bảo lãnh, ...)

4. Mục đích sử dụng vốn vay:

5. Lãi suất:

6. Các khoản phí:

7. Lãi phạt:

8. Thời hạn cho vay: (thời hạn cho vay, thời gian ân hạn)

9. Kế hoạch giải ngân:

10. Kế hoạch trả nợ lãi:

11. Kế hoạch trả nợ gốc:

12. Hình thức đảm bảo tiền vay:

13. Ngân hàng dịch vụ: (TCTD trong nước và/hoặc TCTD ở nước ngoài, nếu có)

(Đối với từng mục trên, đề nghị nêu rõ các điều khoản tham chiếu tại các văn kiện có liên quan).

**PHẦN THỨ BA: CAM KẾT**

1/ Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay ra nước ngoài của [*Tên tổ chức tín dụng*].

2/ [*Tên tổ chức tín dụng*] cam kết tuân thủ các quy định tại Thông tư số 45/2011/TT-NHNN ngày 30/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng; Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối; và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

***(Ký tên, đóng dấu)***

Phụ lục số 02

| TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: ...../..... | |
| V/v đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài | |

# ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào Thông tư số 45/2011/TT-NHNN ngày 30/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Thỏa thuận cho vay, thu hồi nợ nước ngoài đã ký với [*Tên Bên vay*] ngày ...../..../.....

Căn cứ vào Thỏa thuận thay đổi cho vay, thu hồi nợ nước ngoài đã ký với [*Tên Bên vay*] ngày .../.../....

Căn cứ Thư bảo lãnh (hoặc Hợp đồng bảo lãnh) ngày .../.../..... *(nếu có)*

Căn cứ vào văn bản Xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số...../NHNN-QLNH ngày / / ;

[*Tên tổ chức tín dụng*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thay đổi một số nội dung khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài như sau:

## PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI

1. [*Nội dung thay đổi*]:

Thỏa thuận hiện tại:

Thỏa thuận mới:

Lý do thay đổi:

2. [*Nội dung thay đổi*]:

Thỏa thuận hiện tại:

Thỏa thuận mới:

Lý do thay đổi:

3. .....

(Đối với từng mục trên, đề nghị nêu rõ các điều khoản tham chiếu tại các văn kiện có liên quan).

## PHẦN THỨ HAI: KIẾN NGHỊ

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận [*Tên tổ chức tín dụng*] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

## PHẦN THỨ BA: CAM KẾT

1/ Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản vay ra nước ngoài của [*Tên tổ chức tín dụng*].

2/ [*Tên tổ chức tín dụng*] cam kết tuân thủ các quy định tại Thông tư số 45/2011/TT-NHNN ngày 30/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng; Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối; và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

***(Ký tên, đóng dấu)***

Phụ lục số 03

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG**
**Điện thoại liên hệ**

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY, THU HỒI NỢ NƯỚC NGOÀI

**Kỳ báo cáo tháng ...../.....**

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối)**

## I/ Các khoản đăng ký cho vay, thu hồi nợ nước ngoài mới phát sinh trong kỳ báo cáo:

**Đơn vị: Nghìn nguyên tệ '000**

| STT | Bên Vay | Kim ngạch cho vay | | | Kỳ hạn cho vay | | Lãi suất cho vay | Hình thức cho vay | NHNN xác nhận | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nguyên tệ (nghìn) | Đồng tiền | Quy nghìn USD | Kỳ hạn (tháng) | Đáo hạn (Tháng/năm) | | | Công văn số | Ngày |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | xxx | | | | | | |

## II/ Tình hình thực hiện các khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài trong kỳ báo cáo:

**Đơn vị: Nghìn nguyên tệ '000**

| STT | Bên vay | Kim ngạch cho vay | Đầu kỳ | | Phát sinh trong kỳ | | | Cuối kỳ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Dư đầu kỳ | Quá hạn | Giải ngân | Thu hồi nợ gốc | Thu hồi nợ lãi | Dư cuối kỳ | Quá hạn |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Cho vay bằng USD** | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| **Tổng cho vay bằng USD** | | | | | | | | | |
| **Cho vay bằng [*ngoại tệ khác*]** | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| **Tổng cho vay bằng [*ngoại tệ khác*]** | | | | | | | | | |
| **Tổng cho vay bằng [*ngoại tệ khác*] quy USD** | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| **Tổng cho vay quy USD** | | | | | | | | | |

**III/ Dự kiến tình hình thực hiện khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài kỳ tiếp theo (tháng ...../.....)**

**Đơn vị: Nghìn nguyên tệ '000**

| STT | Bên vay | Kim ngạch cho vay | Đồng tiền | Dự kiến phát sinh trong kỳ tới (nguyên tệ) | | | Dự kiến phát sinh trong kỳ tới (quy USD) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Giải ngân | Thu hồi nợ gốc | Thu hồi nợ lãi | Giải ngân | Thu hồi nợ gốc | Thu hồi nợ lãi |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | Tổng Quy USD | | | | | | xxx | xxx | xxx |

**, ngày tháng năm**

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện có thẩm quyền của TCTD
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

## HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU

### Hướng dẫn chung

1. Đối tượng báo cáo: TCTD cho vay hoặc TCTD là đầu mối trong khoản cho vay đồng tài trợ
2. Thời hạn báo cáo: chậm nhất là vào ngày 10 của tháng tiếp theo đối với báo cáo tháng, và ngày 31/01 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm
3. Đơn vị báo cáo: Nghìn nguyên tệ và quy nghìn USD
4. Tỷ giá quy đổi sang USD: theo trung bình tỷ giá mua/bán đóng cửa ngày làm việc cuối cùng của tháng của ngoại tệ tương ứng theo Reuters

### Mục I: Báo cáo tình hình ký cho vay mới phát sinh trong kỳ báo cáo

Cột 3: Ghi tổng giá trị kim ngạch khoản cho vay ra nước ngoài (trường hợp cho vay hợp vốn, TCTD đầu mối báo cáo tổng giá trị kim ngạch khoản cho vay hợp vốn, không bao gồm phần cho vay hợp vốn của các bên cho vay là người không cư trú)

Cột 6: Thời hạn cho vay tính theo quy định tại thỏa thuận cho vay, làm tròn đến đơn vị tháng

Cột 7: Thời hạn trả nợ gốc và/hoặc nợ lãi cuối cùng

Cột 8: Lãi suất cho vay ghi theo thỏa thuận cho vay. Trường hợp cấu trúc lãi suất lựa chọn theo thỏa thuận phức tạp, ghi lãi suất ước tính vào thời điểm ký hợp đồng.

Cột 9: Hình thức cho vay ghi "CV" khi cho vay thông thường, ghi "HV" nếu là khoản cho vay hợp vốn mà TCTD báo cáo là đơn vị đầu mối

**Mục II: Báo cáo tình hình thực hiện các khoản cho vay trong tháng báo cáo**

Báo cáo theo từng khoản cho vay, liệt kê các khoản cho vay theo USD, rồi đến các ngoại tệ khác, quy USD tại cuối mỗi loại ngoại tệ, dòng cuối cùng tính tổng tất cả các khoản cho vay, quy nghìn USD.

Cột 4: Tổng số dư cho vay ra nước ngoài đầu kỳ báo cáo (bao gồm cả số quá hạn).

Cột 5: Số dư cho vay nước ngoài quá hạn (khách hàng vay chưa trả theo cam kết) đầu kỳ báo cáo.

Cột 9: Tương tự cột 4, số cuối kỳ. Cột 9 = cột (4 + 6 - 7)

Cột 10: Tương tự cột 5, số cuối kỳ báo cáo.

**Mục III: Báo cáo Dự kiến tình hình thực hiện khoản cho vay kỳ tiếp theo**

Báo cáo theo từng khoản cho vay, liệt kê các khoản cho vay theo USD, rồi đến các ngoại tệ khác, quy USD tại cuối mỗi loại ngoại tệ, dòng cuối cùng tính tổng tất cả các khoản cho vay, quy nghìn USD.

Số quy USD được quy đổi tại tỷ giá theo quy định tại điểm 4 Hướng dẫn chung

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG**
**Điện thoại liên hệ**

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY, THU HỒI NỢ NƯỚC NGOÀI
## NĂM .....

**I/ Tình hình ký kết các khoản cho vay nước ngoài trong năm báo cáo:**

Báo cáo bằng lời theo các tiêu chí: phân loại đồng tiền, quốc gia vay, lĩnh vực đầu tư
Các khó khăn và thuận lợi trong việc ký kết các khoản cho vay nước ngoài

**II/ Tình hình thực hiện các khoản cho vay trong năm báo cáo:**

**Đơn vị: Nghìn nguyên tệ '000**

| STT | Cho vay phân loại theo ngoại tệ | Kim ngạch cho vay | Đầu kỳ | | Phát sinh trong kỳ | | | Cuối kỳ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Dư đầu kỳ | Quá hạn | Giải ngân | Thu hồi nợ gốc | Thu hồi nợ lãi | Dư cuối kỳ | Quá hạn |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| | **Cho vay bằng USD** | | | | | | | | |
| | **Cho vay bằng JPY** | | | | | | | | |
| | **Cho vay bằng EUR** | | | | | | | | |
| | **Cho vay bằng ....** | | | | | | | | |
| **Tổng quy nghìn USD** | | | | | | | | | |

* Ghi chú: Báo cáo tổng hợp theo từng đồng tiền, không báo cáo chi tiết cho từng khoản cho vay. Các nội dung hướng dẫn tham chiếu Phụ lục 3.

Đánh giá quy trình thực hiện cho vay, thu hồi nợ nước ngoài tại TCTD
Các khó khăn và thuận lợi trong việc thực hiện các khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài
Giải trình nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn, các giải pháp đã triển khai để giảm thiểu nợ quá hạn.

**III/ Kiến nghị (nếu có):**

**, ngày tháng năm**
Đại diện có thẩm quyền của TCTD
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**
**VIỆT NAM**

Số: 06 /VBHN-NHNN

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2016*

**THỐNG ĐỐC**
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến

***Nơi nhận:***
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu VP, PC3, Vụ QLNH (3).